

Số: 3/3 /KL-SNNPTNT

Ninh Thuận, ngày 05 tháng 5 năm 2021

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về thực hiện nhiệm vụ và quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y

Thực hiện Quyết định số 52/QĐ-SNNPTNT ngày 19/01/2021 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận về việc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thực hiện nhiệm vụ và quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

Xét báo cáo số 12 /BC-ĐTTr ngày 23/4/2021 của Trưởng đoàn thanh tra, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

I. Chức năng nhiệm vụ và tổ chức bộ máy

Chi cục Chăn nuôi và Thú y là tổ chức hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ninh Thuận được thành lập theo Quyết định 302/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh, trên cơ sở tổ chức lại Chi cục Thú y. Chi cục có chức năng giúp Giám đốc Sở tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về chăn nuôi, thú y trên địa bàn tỉnh và cơ cấu tổ chức theo Quyết định số 193/QĐ-SNNPTNT ngày 08/4/2016 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi và Thú y gồm: Chi cục trưởng và 02 phó Chi cục trưởng; có 05 phòng chuyên môn, nghiệp vụ gồm: Hành chính, Tổng hợp; Quản lý dịch bệnh; Quản lý giống và kỹ thuật chăn nuôi; Quản lý thuốc và thức ăn chăn nuôi; Thanh tra Pháp chế và 11 Trạm trực thuộc gồm có 07 Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện: thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, Ninh Hải, Ninh Phước, Ninh Sơn, Thuận Nam, Thuận Bắc, Bác Ái, Phan Rang - Tháp Chàm và 04 Trạm: Chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật; Kiểm dịch động vật Thuận Bắc; Kiểm dịch thủy sản An Hải; Trạm Vật tư thuốc thú y Phan Rang.

Tổng số công chức, viên chức và người lao động đến thời điểm thanh tra là 52 người, trong đó gồm: 13 công chức, 22 viên chức, 17 hợp đồng lao động.

II. Chế độ tài chính và các nguồn kinh phí

1. Chế độ tài chính

Chi cục thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ Sửa đổi, bổ

sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà và Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Nội Vụ.

Theo Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao khoán chi hoạt động từ nguồn thu phí của Chi cục Chăn nuôi và Thú y, từ năm 2018 đơn vị được giao khoán chi hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ và Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính (Ngân sách nhà nước không bố trí kinh phí hoạt động); xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Nội Vụ.

Chế độ tài chính, tổ chức công tác kế toán và báo cáo tài chính thực hiện theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

2. Các nguồn kinh phí

- Trong 03 năm 2018 -2020, Chi cục Chăn nuôi và Thú y quản lý, sử dụng nguồn kinh phí: Ngân sách cấp; từ nguồn thu phí, lệ phí trong công tác thú y; phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp và từ hoạt động buôn bán thuốc thú y; hoạt động tiêu độc, khử trùng cho động vật.

- Chi cục thực hiện thu phí, lệ phí theo Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp. Ngoài thu phí, lệ phí Chi cục còn thực hiện hoạt động kinh doanh dịch vụ gồm buôn bán thuốc thú y; hoạt động tiêu độc, khử trùng cho động vật. Hoạt động kinh doanh dịch vụ thực hiện theo Thông tư 283/2016/TT-BTC ngày 24/11/2016 của Bộ tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Việc thực hiện nhiệm vụ

Trong 3 năm 2018-2020, Chi cục đã ban hành và triển khai kế hoạch thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau: Cải cách thủ tục hành chính; thực hành tiết

kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng; tham mưu văn bản và tuyên truyền, phổ biến pháp luật; phòng chống dịch bệnh động vật; kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm; quản lý thức ăn và thuốc thú y; kiểm tra đánh giá, phân loại cơ sở chăn nuôi và thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành, kết quả như sau:

1. Công tác phòng, chống dịch bệnh động vật

1.1. Công tác vệ sinh tiêu độc, khử trùng môi trường:

Trong 3 năm 2018-2020, Chi cục đã hỗ trợ hóa chất vệ sinh tiêu độc, khử trùng môi trường cho các xã, huyện sử dụng trong chăn nuôi gia súc, gia cầm: 55.789 lít Benkocid và trong nuôi trồng thủy sản: 35.445 kg Chlorine.

1.2. Công tác giám sát và ứng phó dịch bệnh:

- Giám sát sau tiêm phòng vaccine Lở mồm long móng: Hàng năm, Chi cục tổ chức lấy mẫu huyết thanh trên trâu, bò để đánh giá hiệu giá kháng thể sau tiêm phòng. Kết quả đã có sự bảo hộ miễn dịch rất cao (85%) đối với gia súc được tiêm phòng vaccine Lở mồm long móng.

- Đối với virus bệnh Dịch tả lợn Châu phi: Chi cục thực hiện lấy mẫu huyết thanh lợn ở các trại chăn nuôi tập trung gửi Chi cục Thú y vùng VI xét nghiệm và tiến hành lấy mẫu huyết thanh lợn nhập tỉnh về các cơ sở giết mổ và tại các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ có lợn bệnh xét nghiệm bằng kit Test nhanh virus bệnh DTLCP.

- Giám sát an toàn dịch bệnh thủy sản: Hiện đã có 16 cơ sở đang thực hiện Kế hoạch giám sát cơ sở giống sản xuất giống thủy sản an toàn dịch bệnh. Đồng thời giám sát phục vụ công tác kiểm dịch động vật thủy sản, thực hiện xét nghiệm mẫu trước khi cấp giấy Chứng nhận kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật thủy sản cho từng đợt và lấy mẫu giám sát trên tôm nuôi thương phẩm.

1.3. Công tác tiêm phòng dịch bệnh:

Chi cục tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch tiêm phòng Gia súc gia cầm 02 đợt/năm để phối hợp các địa phương tổ chức triển khai thực hiện. Kết quả tiêm phòng vaccine 03 năm như sau: Cúm gia cầm 3.993.500 liều; Newcastle 3.389.430 liều; Gumboro 647.100 liều. Dịch tả: trên vịt 2.599.620 liều; trên lợn 427.943 liều. Lợn tai xanh 110.417 liều; Phó thương hàn lợn 121.261 liều. Lở mồm long móng: trên trâu, bò 331.772 liều; trên lợn 316.356 liều. Tụ huyết trùng: trên trâu, bò 318.028 liều; trên lợn 261.555 liều; trên dê, cừu 669.429 liều. Viêm ruột hoại tử dê, cừu 12.250 liều. Đại chó 55.069 liều.

2. Công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật

Trong 03 năm 2018-2020, Chi cục đã thực hiện công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm trên cạn và kiểm dịch động vật, sản phẩm thủy sản đúng theo quy định hiện hành. Kết quả trong 03 năm đơn vị đã thực hiện: Kiểm dịch tôm giống 103,407 tỷ con, Tôm bố mẹ 22.002 con, Cá giống 17,69 triệu con; Ốc hương

325,97 triệu con, Hàu giống 0,79 triệu con; Kiểm dịch gia súc gia cầm 101.347.593 con; 14.558.388 kg gồm thịt động vật, da bò, xương, mỡ bò và phủ tạng.

3. Công tác kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm

Trong 03 năm 2018-2020, Chi cục đã triển khai thực hiện công tác kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm như sau:

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá xếp loại định kỳ 62 cơ sở đang hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm, kết quả 01 cơ sở xếp loại A; 47 cơ sở xếp loại B; 07 cơ sở xếp loại C và 07 cơ sở hoạt động trái phép. Thực hiện đề án quy hoạch cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung giai đoạn 2015-2020, đến nay đã có 09 cơ sở giết mổ gia súc gia cầm tập trung, gồm 03 cơ sở xây mới và 06 cơ sở đầu tư nâng cấp. Chi cục đã thực hiện hỗ trợ di dời cho 26 cơ sở nhỏ lẻ trên địa bàn thành phố Phan Rang Tháp Chàm với số tiền 112.980.000 đồng, thời gian hỗ trợ từ ngày 02/9/2019 đến ngày 31/8/2020, kinh phí từ nguồn 40% cải cách tiền lương.

- Tổng số gia súc, gia cầm được kiểm soát giết mổ 422.743 con; gồm 11.759 con bò; 33.274 con dê, cừu; 172.120 con lợn và 205.590 con gia cầm.

- Đã thực hiện thẩm định và cấp giấy Chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho 40 cơ sở giết mổ gia súc gia cầm, 05 cơ sở chăn nuôi lợn tập trung, 13 cơ sở sơ chế tổ yến, 01 cơ sở sơ chế mật ong rừng và 01 cơ sở sơ chế thịt gia cầm. Tổ chức tập huấn và cấp giấy Xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho 115 cá nhân tham gia giết mổ động vật, cơ sở sơ chế sản phẩm động vật; cấp giấy Chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh cho 03 cơ sở chăn nuôi động vật trên cạn và 05 sản xuất giống thủy sản.

- Kiểm tra định kỳ đánh giá, phân loại điều kiện an toàn thực phẩm: Năm 2018, tổ chức định kỳ đánh giá, phân loại 58 cơ sở giết mổ gia súc gia cầm; năm 2020, tổ chức định kỳ đánh giá, phân loại 55 cơ sở, gồm: 16 cơ sở chăn nuôi lợn tập trung, 39 cơ sở giết mổ gia súc gia cầm. Thẩm định và cấp giấy Chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y cho 02 trang trại nuôi lợn nái sinh sản và 01 kho trung chuyển lợn.

4. Công tác quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản và thuốc thú y

Chi cục đã tổ chức kiểm tra, đánh giá phân loại 54 cơ sở buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản và 80 cơ sở buôn bán thuốc thú y; kết quả sau: Đối với cơ sở buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản: xếp loại A có 03 cơ sở; xếp loại B có 51 cơ sở; không có cơ sở xếp loại C. Đối với cơ sở buôn bán thuốc thú y: xếp loại A có 20 cơ sở; xếp loại B có 60 cơ sở; không có cơ sở xếp loại C.

5. Công tác chẩn đoán, xét nghiệm và điều trị bệnh động vật

Công tác chẩn đoán, xét nghiệm tại Chi cục tiếp tục duy trì áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 17025:2017. Đã thực hiện xét nghiệm 15 chỉ tiêu bệnh; gồm 12 chỉ tiêu bệnh động vật thủy sản và 03 chỉ tiêu bệnh động vật trên cạn. Trong 03 năm, đơn vị đã thực hiện xét nghiệm 19.697 mẫu tôm với 50.878 chỉ tiêu phục vụ giám sát kiểm dịch, chủ động phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản.

6. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật

Trong 03 năm, Chi cục tổ chức 16 lớp tập huấn/800 lượt người tham gia trên địa bàn 07 huyện, thành phố với các nội dung: tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi an toàn sinh học và các biện pháp phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; nhất là dịch tả lợn Châu Phi cho Thú y cơ sở và Chủ cơ sở chăn nuôi; “Hướng dẫn thực hiện kế hoạch giám sát an toàn dịch bệnh tại cơ sở SX giống thủy sản”; “Thiết kế xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh thủy sản”. Hàng năm, tổ chức 02 đợt “Hội nghị triển khai tiêm phòng cho gia súc, gia cầm”. Tổ chức tập huấn “Tuyên truyền, phổ biến các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y” trên địa bàn 07 huyện, thành phố; phối hợp Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh thực hiện bản tin “Cùng nông dân ra đồng”.

7. Công tác thanh tra chuyên ngành

Hàng năm, Chi cục đều xây dựng Kế hoạch thanh tra trình Giám đốc Sở phê duyệt để tổ chức thực hiện, trong 03 năm Chi cục đã tiến hành 15 cuộc thanh tra chuyên ngành về điều kiện vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm đối với các cơ sở chăn nuôi tập trung; cơ sở giết mổ, kinh doanh trứng, thịt gia súc, gia cầm và phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật. Qua thanh tra đã phát hiện, lập Biên bản vi phạm hành chính và ra Quyết định xử phạt 21 trường hợp cá nhân, tổ chức; tổng số tiền phạt 124.500.000 đồng nộp ngân sách nhà nước. Qua thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành đã chấn chỉnh các hành vi vi phạm trong hoạt động chăn nuôi và thú y, tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh trên gia súc gia cầm và thủy sản; các cuộc thanh tra chuyên ngành được tổ chức thực hiện đúng theo quy định về thời hạn thanh tra, về chế độ thông tin, báo cáo và quản lý, lưu trữ hồ sơ thanh tra; thực hiện đúng theo quy định về trình tự, thủ tục, quy trình tiến hành một cuộc thanh tra.

II. Công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí

1. Kết quả thực hiện công tác thu:

ĐVT: đồng

STT	NGUỒN KINH PHÍ	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020
I	Ngân sách cấp	869.935.331	177.956.331	6.192.956.331
1	Thường xuyên (kể cả năm trước chuyển sang)	46.314.353	46.314.353	46.314.353
2	Không thường xuyên (kể cả năm trước chuyển sang)	823.620.978	131.641.978	6.146.641.978
II	Thu phí, lệ phí	5.668.336.000	6.189.012.000	7.675.553.000
1	Lệ phí trong công tác thú y	2.610.000	150.000	780.000
1.1	Nộp ngân sách	2.610.000	150.000	780.000
1.2	Được để lại sử dụng	0	0	0
2	Phí trong công tác thú y, thẩm định QLCL và an toàn thực phẩm	5.665.726.000	6.186.362.000	7.671.273.000

2.1	Nộp ngân sách (10%)	566.572.600	618.636.200	767.127.300
2.2	Được để lại sử dụng (90%)	5.099.153.400	5.567.725.800	6.904.145.700
	Trong đó: + Chi hoạt động	3.305.381.300	2.236.926.282	2.198.032.118
	+ 40% Cải cách tiền lương	717.508.840	1.332.319.807	1.882.445.435
	+ 60% Kinh phí tiết kiệm	1.076.263.260	1.998.479.711	2.823.668.152
3	Phí xét tuyển viên chức	0	2.500.000	3.500.000
3.1	Nộp ngân sách	0	0	0
3.2	Được để lại sử dụng	0	2.500.000	3.500.000
	Trong đó: + Chi hoạt động	0	0	0
	+ 40% Cải cách tiền lương	0	1.000.000	1.400.000
	+ 60% Kinh phí tiết kiệm	0	1.500.000	2.100.000
III	Thu hoạt động kinh doanh dịch vụ			
1	Doanh thu	6.707.925.928	7.390.419.509	7.538.550.031
2	Chi phí	4.522.328.991	6.022.912.636	4.946.894.256
3	Chênh lệch thu chi	2.185.596.937	1.367.506.873	2.591.655.775
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp (20%)	437.119.387	273.501.375	518.331.155
5	Được để lại sử dụng	1.748.477.550	1.094.005.498	2.073.324.620
	Trong đó: + Chi hoạt động	0	0	0
	+ 40% Cải cách tiền lương	699.391.020	437.602.199	829.329.848
	+ 60% Kinh phí tiết kiệm	1.049.086.530	656.403.299	1.243.994.772

2. Công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí

ĐVT: đồng

STT	NGUỒN KINH PHÍ	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020
A	Ngân sách cấp			
I	Được sử dụng trong năm (kể cả năm trước chuyển sang)	869.935.331	177.956.331	6.192.956.331
1	Thường xuyên	46.314.353	46.314.353	46.314.353
2	Không thường xuyên	823.620.978	131.641.978	6.146.641.978
II	Đã sử dụng trong năm	693.847.916	3.000.000	5.806.046.355
1	Thường xuyên	0	0	0
2	Không thường xuyên	693.847.916	3.000.000	5.806.046.355
III	Giảm trong năm (hủy)	1.131.084	0	211.953.945
1	Thường xuyên	0	0	0
2	Không thường xuyên	1.131.084	0	211.953.945
IV	Chuyển năm sau sử dụng			

1	Thường xuyên	46.314.353	46.314.353	46.314.353
2	Không thường xuyên	128.641.978	128.641.978	128.641.678
B	Nguồn thu để lại			
I	Kinh phí được để lại trong năm	6.847.630.950	6.664.231.298	8.980.970.320
1	Phí trong công tác thú y, QLCL và an toàn thực phẩm	5.099.153.400	5.567.725.800	6.904.145.700
2	Phí xét tuyển viên chức	0	2.500.000	3.500.000
2	Từ hoạt động kinh doanh dịch vụ	1.748.477.550	1.094.005.498	2.073.324.620
II	Chi hoạt động trong năm	3.305.381.300	2.236.926.282	2.198.032.118
1	Phí trong công tác thú y, QLCL và an toàn thực phẩm	3.305.381.300	2.236.926.282	2.198.032.118
2	Phí xét tuyển viên chức	0	0	0
3	Từ hoạt động kinh doanh dịch vụ	0	0	0
III	Kinh phí cải cách tiền lương			
1	Năm trước chuyển sang	18.062.249.327	16.419.317.167	16.334.851.638
2	Trích trong năm	1.416.899.860	1.770.922.006	2.713.175.283
3	Sử dụng trong năm	3.158.386.041	1.855.387.536	78.434.606
4	Điều chỉnh tăng nguồn	98.554.021	0	32
4.1	Theo kiến nghị của kiểm toán	51.147.100	0	0
4.2	Thu hồi khi quyết toán công trình XDCB	47.406.921	0	32
5	Số chuyển năm sau sử dụng	16.419.317.167	16.334.851.637	18.969.592.347
IV	Kinh phí tiết kiệm			
1	Năm trước chuyển sang	1.041.877.638	692.797.388	528.667.354
2	Tiết kiệm trong năm	2.125.349.790	2.656.383.010	4.069.762.924
3	Sử dụng trong năm	2.423.282.940	2.820.513.044	2.350.094.971
4	Điều chỉnh giảm theo kiến nghị kiểm toán	51.147.100	0	0
5	Số chuyển năm sau sử dụng	692.797.388	528.667.354	2.248.335.307

Qua kiểm tra cho thấy, các nguồn thu của đơn vị được ghi chép, phản ánh đầy đủ vào sổ sách kế toán; việc thu phí, lệ phí thực hiện đúng mức thu, nộp ngân sách và trích cải cách tiền lương theo đúng quy định; hoạt động kinh doanh dịch vụ nhìn chung có hiệu quả, nộp thuế theo quy định; nội dung, mức chi tuân thủ theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức, quy chế chi tiêu nội bộ do đơn vị xây dựng; biểu mẫu báo cáo tài chính theo quy định hiện hành. Tuy nhiên, việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí của Chi cục Chăn nuôi và Thú y còn tồn tại, hạn chế sau:

Trong 03 năm, Chi cục đã thực hiện thu phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm theo Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính với số tiền 52.860.000 đồng, đơn vị nộp ngân sách 10% với số tiền 5.286.000 đồng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư số 286/2016/TT-BTC, đơn vị phải nộp 20% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước, như vậy đơn vị đã nộp ngân sách thiếu số tiền 5.286.000 đồng.

3. Công tác tiếp nhận, quản lý vắc xin, hóa chất Trung ương cấp

Trong 03 năm 2018-2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận vắc xin, hóa chất từ nguồn dự trữ quốc gia để thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh động vật, giao cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận, quản lý với số lượng hỗ trợ là 301.000 liều vắc xin Lở mồm long móng, bệnh dại, tụ huyết trùng trâu bò và 90.000 kg hóa chất các loại, với số tiền là 12.730.3463000 đồng. Chi cục đã thực hiện tốt tiếp nhận, quản lý; thực hiện nhập, bảo quản, lưu kho, xuất sử dụng và tổ chức theo dõi, ghi chép đầy đủ; thực hiện phân bổ về cho các huyện, thành phố để thực hiện công tác tiêm phòng và tiêu độc khử trùng ao, chuồng, trại theo tình hình dịch bệnh thực tế phát sinh tại các địa phương.

C. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

Trong 3 năm 2018-2020, Chi cục Chăn nuôi và Thú y cơ bản thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ giúp Giám đốc Sở tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về chăn nuôi, thú y trên địa bàn tỉnh, triển khai thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm được giao, nhất là trong công tác phòng chống dịch bệnh. Triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh về giao khoán chi hoạt động từ các nguồn thu phí.

- Các nguồn thu của đơn vị được ghi chép, phản ánh đầy đủ vào sổ sách kế toán; việc thu phí, lệ phí thực hiện đúng mức thu, nộp ngân sách và trích cải cách tiền lương theo đúng quy định; hoạt động kinh doanh dịch vụ nhìn chung có hiệu quả, nộp thuế theo quy định; nội dung, mức chi tuân thủ theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức, quy chế chi tiêu nội bộ do đơn vị xây dựng; biểu mẫu báo cáo tài chính đúng theo quy định hiện hành.

2. Về khuyết điểm, tồn tại:

Trong công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí, Chi cục nộp ngân sách phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp thiếu số tiền 5.286.000 đồng.

3. Nguyên nhân và trách nhiệm

- Nguyên nhân khách quan: Do nguồn thu chủ yếu của đơn vị từ thu phí, lệ phí trong công tác thú y và thu từ hoạt động kinh doanh dịch vụ nên nghiệp vụ, hồ sơ chứng từ kế toán phát sinh nhiều trong khi kế toán trưởng đơn vị còn kiêm phụ trách phòng Hành chính tổng hợp.

- Nguyên nhân chủ quan: Kế toán đơn vị tham mưu cho lãnh đạo Chi cục chưa nghiên cứu kỹ, chưa cập nhật kịp thời các quy định trong quản lý, sử dụng nguồn thu phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Trách nhiệm thuộc về kế toán đơn vị.

D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. Đối với Chi cục Chăn nuôi và Thú y

- Tiếp tục tăng cường công tác cải cách thủ tục hành chính; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng; tham mưu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật đúng quy định, phù hợp với thực tế địa phương và tổ chức thực thi pháp luật về chăn nuôi, thú y đảm bảo hiệu lực, hiệu quả; nâng cao hiệu quả việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao; tổ chức thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2021 đạt chỉ tiêu và hiệu quả.

- Nộp bổ sung ngân sách số tiền 5.286.000 đồng về khoản phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Tổ chức họp kiểm điểm rút kinh nghiệm để dẫn đến tồn tại, hạn chế nêu trên. báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị xử lý qua thanh tra về Sở sau 30 ngày kể từ ngày công bố kết luận thanh tra.

II. Đối với Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Giao Thanh tra Sở phối hợp phòng Tổ chức cán bộ Sở theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nội dung kết luận của Giám đốc Sở để kịp thời báo cáo Giám đốc Sở chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y khắc phục tồn tại, hạn chế đã được kết luận.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ và chấp hành các quy định về quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Thanh tra tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc Sở;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- Phòng TCCB, KHTC;
- Trang thông tin điện tử của Sở;
- Lưu: VT, HSTT, TTr.

GIÁM ĐỐC



Đặng Kim Cương

